

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 21/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Phi K, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 4, KV. H, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

*** Bị đơn:** Anh Phan Đình N, sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm T, thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T – Giám đốc Phòng giao dịch
NHCSXH thị xã A

Địa chỉ: 05 đường H, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định

2. Chị Phạm Thị Thúy K1, sinh năm 1995

Địa chỉ: KV. H, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

3. Anh Nguyễn Huỳnh S, sinh năm 1973

Địa chỉ: 1232 đường V, KV. T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Phi K và anh Phan Đình N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao người con tên Phan Thành D sinh ngày 07.8.2009 cho anh N tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao người con tên Phan Thị Thùy N sinh ngày 06.5.2011 cho chị K tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị K, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: Chị K, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về trách nhiệm trả nợ:

2.3.1. Ngày 30.7.2018, anh Phan Đình N có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội thị xã A số tiền vay gốc là 25.000.000đ, tiền lãi 119.134đ (tính đến ngày 29.3.2018) và tiền lãi trong hạn kể từ ngày 30.3.2018 đến ngày 30.7.2018 là 732.000đ. Tổng cộng 25.851.134đ.

2.3.2. Ngày 30.7.2018, chị Phạm Thị Phi K có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội thị xã A số tiền vay gốc 25.000.000đ và tiền lãi trong hạn theo kế ước vay kể từ ngày 30.3.2018 đến ngày 30.7.2018 là 732.000đ. Tổng cộng 25.732.000đ.

Nếu đến thời hạn thỏa thuận mà anh N, chị K chưa trả nợ cho ngân hàng thì kể từ ngày 01.8.2018, anh N, chị K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2.3.3. Anh N có trách nhiệm trả dần số tiền 5.845.000đ cho anh S trong thời hạn như sau:

- Tháng 4: Trả 1.000.000đ
- Tháng 5: Trả 1.000.000đ
- Tháng 6: Trả 1.000.000đ
- Tháng 7: Trả 1.000.000đ
- Tháng 8: Trả 845.000đ
- Tháng 9: Trả 500.000đ

- Tháng 10: Trả 500.000đ

2.3.4. Vào ngày 30.10.2018, chị K có trách nhiệm trả nợ chị Phạm Thị Thúy K1 số tiền 8.000.000đ và 01 chỉ 05 phân vàng 97.

Khi đến thời hạn thỏa thuận mà anh N, chị K chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì kể từ khi anh S, chị K1 có đơn yêu cầu thi hành án, anh N, chị K còn phải chịu một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.4. Về án phí sơ thẩm:

2.4.1. Chị Phạm Thị Phi K tự nguyện chịu 150.000đ tiền án phí hôn nhân và 867.800đ tiền án phí dân sự, tổng cộng 1.017.800đ; được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002900 ngày 05.10.2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn và khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí của chị Phạm Thị Thúy K1 (chị K1 tự nguyện chịu án phí đối với phần trả nợ của chị K) theo biên lai thu tiền số 0008506 ngày 13.12.2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn. Số tiền án phí chị K còn phải nộp là 417.800đ.

2.4.2. Anh Phan Đình N tự nguyện chịu 150.000đ tiền án phí hôn nhân và 867.800đ tiền án phí dân sự, tổng cộng là 1.017.800đ.

2.4.3. Căn cứ vào điểm c Khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu thu hồi nợ đối với người nghèo nên không phải nộp tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí.

2.4.4. Anh Nguyễn Huỳnh S không phải chịu án phí, hoàn trả cho anh S 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008570 ngày 07.3.2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TX. An Nhơn;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Mỹ Lệ

